

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 514/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2018.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thành Châu.

2/ Ông Phạm Văn Hề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 379/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1596/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Kim Y, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 12U A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Luong Hong L, sinh năm 1960.

Quốc tịch: Úc.

Địa chỉ: 9 D, Australia.

(Đều có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 02/8/2017 và bản tự khai ngày 24/8/2017 nguyên đơn bà Bùi Thị Kim Y trình bày:

Bà và ông Luong Hong L tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 706 quyền số 04 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/3/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm dẫn đến hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Hai vợ chồng bà đã cố gắng hàn gắn gia đình nhưng không đạt được kết quả nên ông Luong Hong L trở về Australia sinh sống và làm việc còn bà vẫn sống ở Việt Nam. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích

hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Luong Hong L để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 22/11/2017 đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Australia xác nhận ngày 06/12/2017 ông Luong Hong L trình bày như sau: Ông và bà Bùi Thị Kim Y tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 706 quyển số 04 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/3/2012. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc ở Việt Nam được hai năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng để hàn gắn gia đình nhưng không đạt được kết quả nên ông trở về Australia. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà Y không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn với bà Bùi Thị Kim Y.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 19/4/2018, bà Bùi Thị Kim Y xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, xét xử của Tòa án.

Ngày 22/11/2017, ông Luong Hong L có đơn xin xét xử vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét bà Bùi Thị Kim Y và ông Luong Hong L đều có đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Y và ông Luong Hong L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, bị đơn ông Luong Hong L đang cư ngụ hợp pháp tại Australia thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Kim Y nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 706 quyền số 04 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/3/2012 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị Kim Y và ông Luong Hong L là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự thì hai vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai đã cố gắng hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng không đạt được kết quả nên ông trở về Australia còn bà Y thì sống ở Việt Nam. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau. Nay bà Bùi Thị Kim Y và ông Luong Hong L mỗi người sống mỗi quốc gia, khả năng hàn gắn là không thể thực hiện, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà Bùi Thị Kim Y ly hôn ông Luong Hong L là có cơ sở để chấp nhận.

Con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Kim Y phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim Y.

Quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Kim Y được ly hôn với ông Luong Hong L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 706 quyền số 04 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/3/2012 cho bà Bùi Thị Kim Y và Luong Hong L không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Bùi Thị Kim Y phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0047411 ngày 14/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bà Bùi Thị Kim Y nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với ông Luong Hong L thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- UBND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Dương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt